

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đỉnh**

2/ Bà **Hoàng Thị Hòa**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 01/02/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 630/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST ngày 13/01/2021. Giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1983; Cư trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội; Có mặt.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị H1, sinh năm 1987; Cư trú tại: Thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020, các lời khai bổ sung, anh Nguyễn Bá H - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Phạm Thị H1 ngày 04/01/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, Hà Nội. Cưới xong chị H1 về ở với gia đình anh tại thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ làm ăn kinh tế. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó một thời gian thì chị H1 ra

tH3 trọ ở ngoài anh hỏi thì chị H1 không nói và không cho anh biết. Chị H1 vẫn về thăm con nhưng tránh không gặp anh. Anh gọi điện thì chị H1 bảo là máy mượn không cho anh số điện thoại. Chị H1 chỉ về thăm con hoặc gọi điện hỏi thăm con. Chị H1 cố tình dấu anh địa chỉ chỗ ở của chị H1 và số điện thoại. Vợ chồng anh đã ly thân được nhiều năm. Chị H1 không chăm lo cho gia đình, con cái, không có trách nhiệm với con với anh. Nay quan điểm của anh xác định tình cảm không còn, chị H1 cố tình dấu địa chỉ không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc anh xin ly hôn. Anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/7/2008. Hiện nay cháu H3 vẫn đang ở với anh. Tình trạng sức khỏe của con chung bình thường. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu H3 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang làm việc tại Công ty TNHH OKIFOOD, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/1 tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị Phạm Thị H1 là bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng chị H1 không có mặt. Chị H1 đã vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết, hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị H1.

Tại phiên tòa:

+ Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị H1 ; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/7/2008, ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết và vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì. Bị đơn không chấp quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án nên cần kiến nghị, nhắc nhở.

- Về nội dung vụ án:

+ Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của anh H là H1 pháp, việc anh H xin ly hôn là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/7/2008. Ly hôn, giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh

H không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh H phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Anh H kết hôn với chị Phạm Thị H1 ngày 04/01/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, Hà Nội. Chị H1 hiện cư trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt H1 lệ giấy triệu tập đến phiên tòa cho chị Phạm Thị H1, nhưng chị H1 vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án. Như vậy, chị H1 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị H1 là phù H1 quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Bá H và chị Phạm Thị H1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Hồng, huyện Đ, Hà Nội là hôn nhân H1 pháp. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế. Vợ chồng anh H, chị H1 đã ly thân nhiều năm nay. Nay anh H xin ly hôn, chị H1 không có quan điểm và không trình bày nguyện vọng.

Căn cứ tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương, Công an xã N, bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ anh H, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị H1 thể hiện: Anh chị có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân nhiều năm. Hiện nay chị H1 đi làm ăn ở đâu không biết nhưng vẫn liên hệ về gia đình.

Xét thấy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải vợ chồng nhưng anh chị không

thể hàn gắn được mà vẫn mỗi người ở một nơi. Từ phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 đã quá căng thẳng và trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H xin ly hôn với chị H1 là có căn cứ và phù H1 qui định của pháp luật nên được chấp nhận là phù H1 với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh H, chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/7/2008. Hiện nay cháu H3 đang ăn ở, học tập và sinh sống với anh H. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của anh H: Hiện nay anh H vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu H3 đã ăn ở sinh sống ổn định với anh H và vẫn do anh H chăm sóc. Nguyện vọng của Cháu H3 cũng được xin ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Từ những căn cứ trên, căn cứ vào thực tế, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về thể chất và tinh thần. Do đó, giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù H1 với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết việc cấp dưỡng nuôi chung cho đến khi nào các con thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Bá H đối với chị Phạm Thị H1. Anh Nguyễn Bá H được ly hôn chị Phạm Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H3, sinh ngày 15/7/2008 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Bá H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2018/0017880 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Anh Nguyễn Bá H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Đông Anh;
- THA Đông Anh;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;

Thịnh Quang Thắng